

Số: 21/2023/QĐST-HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 05 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu X, xã Đ, huyện C, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Bùi Ngọc C, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu X, xã Đ, huyện C, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đó hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Ngọc C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Bùi Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 19/3/2013 và Bùi Ngọc Gia Đ, sinh ngày 31/01/2017 kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi); Chị T cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Thị Diệu L cho anh C số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) / tháng, kể từ tháng 12/2023 đến khi cháu L thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Chị T có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản trở.

Về tài sản chung; tài sản riêng; Về nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Ngọc C đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi

ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004725 ngày 31/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Đồng Lương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Huyền